

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 07/2021/HS-ST
ngày 11 - 5 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Duy Am; ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Mã Văn B sinh ngày 13/8/2000, tại huyện L, tỉnh B . Nơi cư trú: thôn 05, xã K, huyện M, tỉnh Đ; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: không; Con ông Mã Văn T3 sinh năm 1972 và bà Luân Thị A sinh năm 1973; Vợ: Đặng Thị Hồng D sinh năm 2002 và có 01 con sinh năm 2021. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/02/2021, tại nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk, bị cáo được trích xuất đến phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Người bào chữa cho bị cáo Mã Văn B: ông Nguyễn Hữu Huệ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Ông Huệ có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị M sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn 02, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Bà M có mặt tại phiên tòa.

+ Vợ chồng ông Thào A C1 sinh năm 1992 bà Hạng Thị Y sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn 07, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Ông C1 bà Y vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Y C Niê sinh năm 1997. Địa chỉ: buôn N, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Anh Y C vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông ÊBan Y N sinh năm 1954. Địa chỉ: buôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Ông Y N vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Phạm Văn T1 sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Anh T1 có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Văn T2 sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đ. Anh T2 có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Hoàng Xuân M sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông M có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Mã Văn T3 sinh năm 1972. Địa chỉ: thôn 05, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Ông T3 vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Anh Y Q Niê sinh năm 2005. Địa chỉ: buôn N, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Anh Y Q vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị H B Niê sinh năm 1995. Địa chỉ: buôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Chị H B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05/02/2021, Mã Văn B thấy một con trâu được cột cách nhà bà Nguyễn Thị M khoảng 300 mét, B nảy sinh ý định trộm cắp, bán lấy tiền. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, B đi đến chỗ cột trâu, tháo dây thừng và dắt trâu đến khu vực cầu giáp ranh giữa xã Krông Á và Krông Jing (thuộc địa phận buôn Găm, xã Krông Jing), B cột trâu vào gốc cây rồi đi về nhà ngủ.

Khoảng 06 giờ ngày 06/02/2021, B dắt trâu đến cột dưới chân cầu thuộc địa phận buôn Ea TLu, xã Krông Jing. B đến nhà ông ÊBan Y N (Ma H) ở buôn M'Nhang, xã Krông Jing, gặp Y C Niê, B nói “có trâu đi siết nợ cần bán” và nhờ Y C tìm người mua trâu, nếu bán được sẽ trả tiền công cho Y C, Y C đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, B dắt trâu đi đến nhà ông Y N và cột vào gốc cây trong vườn.

Sáng ngày 07/02/2021, B cùng Y C đi tìm người mua trâu. Ông Phạm Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2 làm nghề mua, bán trâu biết được thông tin, liên lạc với

B qua điện thoại, đến nhà ông Y N gặp B và Y C để thỏa thuận. B đồng ý bán trâu cho ông T1 và ông T2 với giá 25.000.000đồng. B đã đưa cho Y C 2.000.000đồng và nói Y C đưa cho ông Y N 500.000đồng. Sau đó, B và Y C đi mua 01 điện thoại hiệu “SAMSUNG” cho Y C, khi thanh toán tiền, B đưa cho Y C thêm 1.000.000đồng.

Sau khi đưa trâu về nhà, ông T1 và ông T2 bán trâu cho ông Hoàng Xuân M với giá 34.000.000đồng. Ngày 07/02/2021, bà M đã làm đơn trình báo sự việc mất trộm trâu với cơ quan chức năng. Công an huyện M’Đrắk đến nhà ông M xác minh, ông M tự nguyện giao nộp con trâu này.

Ngoài ra, quá trình điều tra, B còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp trâu trên địa bàn xã Krông Á, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 03/02/2021, B đi hái đót về, nhìn thấy bảy con trâu của gia đình ông Thào A C1 cột tại rẫy trồng keo của ông Ma Seo P tại thôn 7, xã Krông Á (cách nhà ông C1 khoảng 03km). B tháo dây thừng, dắt hai con trâu cái đi về hướng thôn 6, xã Krông Á thì một con trâu cái (trâu con) cũng đi theo, ý định của B sẽ bán luôn cả 03 con trâu. Đến khoảng 05 giờ ngày 04/02/2021, B dắt trâu đến vườn trồng keo của anh Chu Văn T tại thôn 6, xã Krông Á thì trời sáng, B cột trâu tại đây, đi tìm người mua trâu. Sáng ngày 04/02/2021, ông C1 phát hiện ba con trâu bị mất, nên đã cùng gia đình lần theo dấu chân trâu tìm đến vườn trồng keo của anh T thì thấy ba con trâu của gia đình, nên dắt trâu về. B biết gia đình ông C1 đã tìm thấy trâu, nên không đi tìm người để bán trâu nữa.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 12 năm 2020, B đi làm rẫy về, nhìn thấy hai con trâu (01 con trâu cái và 01 con trâu nhỏ là con của con trâu cái) cột ở gần bờ suối thuộc địa phận thôn 5, xã Krông Á. B dắt con trâu mẹ đi thì con trâu con cũng đi theo. Đi được khoảng 300m, đến rẫy trồng dừa và chuối của ông Mạc Văn V (ở thôn 5, xã Krông Á), B cột trâu trong rẫy rồi đi về tìm người để bán trâu, nhưng không tìm được. Chiều cùng ngày, B đến kiểm tra thì không thấy hai con trâu nữa, B nghĩ chủ trâu đã tìm được trâu. Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường theo lời khai của B và ra thông báo tìm bị hại. Tuy nhiên, đến nay chưa xác định được bị hại, nên không đủ căn cứ để xác minh lời khai của B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐG ngày 08/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện M’Đrắk kết luận: con trâu cái trọng lượng 470kg, trị giá 37.600.000đồng

Tại bản kết luận định giá tài sản số 101/KL-HĐĐG ngày 10/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện M’Đrắk kết luận: trị giá 01 con trâu cái trọng lượng 510kg, 01 con trâu cái trọng lượng 390kg, 01 con trâu cái trọng lượng 270kg. Tổng trị giá là 93.600.000đồng.

* Vật chứng tạm giữ:

- Một con trâu cái nặng 470kg; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu vàng gold, số IMEL1 353317/09/527033/7, số IMEL2 353318/09/527033/5; Một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, mặt lưng màu đen, viền màn hình màu trắng, số ID BCG-E3087A, số IC 579C-E3087A.

-Thu giữ của: Mã Văn B 8.600.000đồng; ông Phạm Văn T1 4.500.000đồng; ông Nguyễn Văn T2 4.500.000đồng; anh Y C Niê 700.000đồng; ông ÊBan Y N 500.000đồng.

* Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố bị cáo Mã Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa:

- Bị cáo khai: Khoảng 16 giờ ngày 05/02/2021, bị cáo thấy một con trâu được cột cách nhà bà Nguyễn Thị M khoảng 300 mét, B nảy sinh ý định chiếm đoạt, bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đến tháo dây thừng và dắt trâu đến khu vực cầu ở buôn Găm, xã Krông Jing, cột trâu vào gốc cây. Khoảng 06 giờ, ngày 06/02/2021, bị cáo dắt trâu đến cột ở chân cầu thuộc địa phận buôn Ea TLu, xã Krông Jing. Bị cáo đến nhà ông Y N gặp Y C Niê, bị cáo nói với Y C “trâu bị cáo siết nợ, cần bán” và nhờ Y C tìm người mua trâu, nếu bán được sẽ trả tiền công cho Y C. Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo nhờ Y Q Niê (em Y C) cùng bị cáo dắt trâu cột vào gốc cây trong vườn gia đình ông Y N.

Sáng ngày 07/02/2021, bị cáo và Y C đi tìm người mua trâu. Qua thỏa thuận, bị cáo đã bán trâu cho ông T1 và ông T2 với giá 25.000.000đồng. Bị cáo đưa cho Y C 2.000.000đồng và nói Y C đưa cho ông Y N 500.000đồng. Sau đó, bị cáo và Y C đi mua điện thoại hiệu “SAMSUNG” cho Y C, khi thanh toán tiền, bị cáo đưa thêm cho Y C 1.000.000đồng. Số tiền còn lại, bị cáo tiêu xài, khi sự việc bị phát hiện, trong người bị cáo còn 8.600.000đồng.

Ngoài ra, khoảng 18 giờ ngày 03/02/2021, bị cáo thấy bảy con trâu được cột ở khu vực rẫy trồng keo tại thôn 7, xã Krông Á, bị cáo nảy sinh chiếm đoạt hai con trâu, bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo dắt hai con trâu cái thì một con trâu cái (trâu con) cũng đi theo. Đến khoảng 05 giờ ngày 04/02/2021 bị cáo dắt trâu đến vườn trồng keo tại thôn 6, xã Krông Á thì trời sáng. Bị cáo cột trâu tại đây, đi tìm người mua ba con trâu. Tuy nhiên, biết được gia đình người mất trâu đã tìm thấy trâu, nên bị cáo không tìm người để bán trâu nữa. Khoảng tháng 12 năm 2020, bị cáo thấy có một trâu cái mẹ và một trâu con cột ở gần bờ suối thuộc địa phận thôn 5, xã Krông Á, bị cáo nảy sinh chiếm đoạt. Bị cáo dắt con trâu mẹ thì trâu con cũng đi theo, đến rẫy trồng dừa và chuối của ông Mạc Văn V bị cáo cột trâu, đi tìm người để bán trâu,

nhưng không tìm được. Chiều cùng ngày, bị cáo đến kiểm tra thì không thấy hai con trâu nữa.

- Bị hại bà Nguyễn Thị M khai: sáng ngày 06/02/2021, gia đình bà M phát hiện bị mất một con trâu cái. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã thu giữ và trả lại cho bà M con trâu cái mà bị cáo đã chiếm đoạt. Bà M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Bà M đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1, ông Nguyễn Văn T2 và ông Hoàng Xuân M khai: ông T1, ông T2 và ông M làm nghề buôn bán trâu, bò, không biết việc bị cáo trộm cắp trâu để bán. Qua thông tin của người khác, ông T1 và ông T2 tìm gặp Y C và bị cáo, các bên thỏa thuận, Y C bán trâu cho anh T1 và anh T2 với giá 25.000.000đồng. Sau khi chở trâu về nhà, ông T1 và ông T2 bán trâu cho ông M với giá là 34.000.000đồng (lãi 9.000.000đồng). Sau khi biết được sự việc bị cáo trộm cắp trâu để bán. Ông M tự nguyện giao nộp trâu cho cơ quan Điều tra. Ông T1 và ông T2, mỗi người tự nguyện giao nộp 4.500.000đồng cho Cơ quan Điều tra để trả lại cho ông M. Ông M đã nhận đủ 34.000.000đồng (trong đó, ông M nhận từ Cơ quan Điều tra 18.600.000đồng và từ ông Mã Văn T3 15.400.000đồng)

* Bị hại vợ chồng ông Thào A C1 bà Hạng Thị Y khai tại cơ quan điều tra: khi phát hiện thấy ba con trâu (hai trâu cái và một trâu con) bị người khác trộm cắp, vợ chồng ông C1 nhờ nhiều người đi truy tìm và đã tìm thấy ba con trâu tại vườn keo ở thôn 6, xã Krông Á. Vợ chồng ông C1 đã chi phí 1.600.000đồng cho việc tìm kiếm trâu. Ông Mã Văn T3 (bố bị cáo B) đã bồi thường cho vợ chồng ông C1 1.600.000đồng, vợ chồng ông C1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y C Niê khai tại cơ quan điều tra: bị cáo nói siết nợ của người khác bằng trâu, do tin lời nói của bị cáo, anh Y C đã giúp bị cáo tìm người mua trâu cho bị cáo. Sau khi bán được trâu, bị cáo đưa cho anh Y C 2.000.000đồng và nói anh Y C đưa cho ông Y N 500.000đồng, anh Y C đã đưa cho ông Y N 500.000đồng. Khi anh Y C mua điện thoại giá 2.100.000đồng, bị cáo cho thêm anh Y C 1.000.000đồng. Cơ quan Điều tra thu giữ của anh Y C chiếc điện thoại Sam Sung giá trị 2.100.000đồng và 700.000đồng (trong đó 500.000đồng tiền bị cáo cho Y C, 200.000đồng là tiền của Y C). Quá trình điều tra, anh Y C đã đưa 2.000.000đồng cho ông T3 (bố bị cáo), đây là số tiền bị cáo cho anh Y C mua điện thoại, để ông T3 bồi thường cho ông M. Anh Y C đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại mà cơ quan Điều tra đã thu giữ của Y C.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông ÊBan Y N khai tại cơ quan điều tra: Y C nói trâu của bị cáo siết nợ, nên đã để cho bị cáo cột trâu tại vườn của gia

đình để tìm người mua trâu. Ông Y N không biết bị cáo và anh Y C bán trâu cho ai, nhưng anh Y C đưa cho ông Y N 500.000đồng, ông Y N đã giao lại số tiền này cho cơ quan Điều tra.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mã Văn T3 khai tại cơ quan điều tra: ông T3 là bố của bị cáo, trong quá trình điều tra, ông T3 bồi thường cho vợ chồng ông C1 và ông M thay bị cáo. Cụ thể, ông T3 đã bồi thường cho: Vợ chồng ông C1 1.600.000đồng; Ông M 15.400.000đồng (trong đó, 2.000.000đồng do anh Y C đưa cho ông T3, 13.400.000đồng là tiền của ông T3 vay mượn của người khác). Ông T3 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà ông T3 đã bồi thường thay cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố bị cáo Mã Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo Mã Văn B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); khoản 1 Điều 47 BLHS:

- + Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho: bà Nguyễn Thị M một con trâu; ông Hoàng Xuân M 18.600.000đồng; anh Y C Niê 200.000đồng.

- + Chấp nhận việc ông Mã Văn T3 đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo Mã Văn B cho: vợ chồng ông Thảo A C1 bà Hạng Thị Y 1.600.000đồng; ông Hoàng Văn M 15.400.000đồng (trong đó, có 2.000.000đồng anh Y C Niê đưa cho ông T3 để ông T3 bồi thường cho ông M).

- + Sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE của bị cáo Mã Văn B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của anh Y C Niê.

* Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: bị cáo là người phạm tội lần đầu, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại; Bị cáo tự thú; thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Hoàn cảnh bị cáo khó khăn, nhưng tích cực tác động gia đình khắc phục thiệt hại đã xảy ra; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Do vậy, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng, người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

* Kiểm sát viên tranh luận: Bị cáo 02 lần chiếm đoạt tài sản của người khác, tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn (131.200.000đồng), mặc dù tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, trả cho bị hại. Song hành vi của bị cáo gây mất trật tự an, gây bất bình trong nhân dân. Do đó, Kiểm sát viên không đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Bị cáo và các đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người T3 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người T3 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: vì mục đích tư lợi, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/02/2021 tại thôn 02, xã Krông Á bị cáo lén lút chiếm đoạt một con trâu của bà Nguyễn Thị M trị giá 37.600.000đồng và khoảng 18 giờ ngày 03/02/2021 bị cáo chiếm đoạt ba con trâu của vợ chồng ông Thào A C1 bà Hạng Thị Y trị giá 93.600.000đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng trị giá tài sản (bốn con trâu) mà bị cáo đã chiếm đoạt là 131.200.000đồng. Nên tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS. Nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt nêu trên là có cơ sở.

Tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an. Bị cáo phạm tội hai lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để khắc phục hậu quả đã xảy ra; Bị cáo tự thú; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo là người dân tộc thiểu số. Đây là những tình tiết quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Con trâu cái nặng 470kg là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị M, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả một con trâu cho bà M là đúng pháp luật. Bà M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên HĐXX không xem xét.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE của bị cáo, bị cáo đã dùng vào việc liên lạc trong quá trình tiêu thụ con trâu mà bị cáo trộm cắp. Nên, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền: 8.600.000đồng thu giữ của bị cáo; 500.000đồng thu giữ của anh Y C Niê; 500.000đồng thu giữ của ông ÊBan Y N là tiền do bị cáo phạm tội mà có; 9.000.000đồng thu giữ của ông Phạm Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2 là số tiền lãi ông T1 và ông T2 bán trâu cho ông Hoàng Xuân M. Tổng cộng là 18.600.000đồng. Ông T1, ông T2 và ông M mua bán trâu là ngay tình, nên Cơ quan Điều tra đã trả lại cho ông M 18.600.000đồng là đúng pháp luật.

Số tiền 200.000đồng Cơ quan Điều tra thu giữ của anh Y C là tài sản hợp pháp của anh Y C, không liên quan đến việc phạm tội, nên Cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh Y C Niê là đúng pháp luật.

Khi phát hiện ba con trâu bị bị cáo chiếm đoạt, vợ chồng ông C1 bà Y đã nhờ người và chi phí cho việc đi tìm kiếm trâu là thực tế. Ông T3 (bố bị cáo B) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường 1.600.000đồng cho vợ chồng ông C1 thay bị cáo là phù hợp với pháp luật, nên HĐXX cần chấp nhận. Quá trình điều tra ông T3 đã tự nguyện bồi thường cho anh Hoàng Xuân M 15.400.000đồng (trong đó, 2.000.000đồng anh Y C đưa cho ông T3 để ông T3 bồi thường cho ông M) thay bị cáo là phù hợp với pháp luật.

Anh Y C Niê không biết bị cáo phạm tội để có tiền cho anh Y C mua điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG. Mặt khác, trong quá trình điều tra, anh Y C đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền mà bị cáo đã cho anh Y C, để cơ quan Điều tra và ông T3 trả lại cho ông M. Do vậy, cần trả lại điện thoại hiệu SAMSUNG cho anh Y C Niê.

[5] Đối với ông ÊBan Y N cho bị cáo cột trâu trong vườn nhà mình, anh Y C Niê giúp bị cáo bán trâu cho ông Phạm Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2. Sau đó, ông T1 và ông T2 lại bán trâu cho ông Hoàng Xuân M. Nhưng những người này không biết bị cáo trộm cắp trâu của bà M để bán, nên không xem xét xử lý.

[6] Bị cáo khai vào tháng 12/2020, bị cáo lén lút chiếm đoạt hai con trâu của người khác tại thôn 05, xã Krông Á. Cơ quan Điều tra đã tiến hành thông báo tìm chủ sở hữu, tiến hành khám nghiệm hiện trường theo đúng quy định. Nhưng đến nay, chưa tìm được bị hại, không thu giữ được vật chứng, nên không đủ căn cứ xử lý đối với hành vi này của bị cáo. Khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: bị cáo bị kết án, bị cáo phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Mã Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo Mã Văn B 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/02/2021.

2. Áp dụng Điều 47 và Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrăk đã trả cho: bà Nguyễn Thị M 01 con trâu; ông Hoàng Xuân M 18.600.000đồng; anh Y C Niê 200.000đồng.

- Chấp nhận việc ông Mã Văn T3 đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo Mã Văn B cho: vợ chồng ông Thảo A C1 bà Hạng Thị Y 1.600.000đồng; ông Hoàng Xuân M 15.400.000đồng (trong đó, 2.000.000đồng anh Y C Niê đưa cho ông T3 để ông T3 bồi thường cho ông M).

- Sung quỹ nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE của bị cáo Mã Văn B; Trả lại cho anh Y C Niê điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG. Đặc điểm, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh

sát Điều tra Công an huyện M'Đrăk với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk ngày 22/4/2021.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Mã Văn B được miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Báo quyền kháng cáo

Báo cho bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- T.H.A dân sự huyện M'Đrăk
- Bị cáo;
- Đương sự;
- UBND xã Krông Á;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương